

**Thành phần:**

Mỗi 10 ml chứa:

Thành phần hoạt chất:

Magnesium lactat dihydrat ..... 186 mg

Magnesium pidolat ..... 936 mg

Pyridoxin hydroclorid ..... 10 mg

(tương đương với 100 mg cation Mg)

**Dạng bào chế:** Dung dịch uống**Quy cách đóng gói:** Hộp 20 ống 10 ml.**Chỉ định:**

Điều trị các trường hợp thiếu magnezi nặng, riêng biệt hay kết hợp.

Điều trị các rối loạn chức năng của những con lo âu khi kèm với tăng thông khí (còn được gọi tạng co giật) khi chưa có điều trị đặc hiệu.

Sự kết hợp của một số triệu chứng sau đây có thể cho thấy sự thiếu hụt magnezi:

+ Lo lắng, cầu kính, lo lắng nhẹ, mệt mỏi tạm thời, rối loạn giấc ngủ nhẹ.

+ Có biểu hiện của lo lắng, chẳng hạn như co thắt tiêu hóa hoặc đánh trống ngực (tim khỏe mạnh).

+ Co cứng cơ, ngứa ran.

Việc bổ sung magnezi có thể cải thiện các triệu chứng này.

Nếu các triệu chứng này không cải thiện sau một tháng điều trị, việc điều trị sẽ được đánh giá lại.

**Công dụng:**

- Giảm Stress, lo lắng, trầm cảm, cầu kính, lo lắng nhẹ, mệt mỏi tạm thời, rối loạn giấc ngủ nhẹ.

- Giảm biểu hiện của lo lắng, chẳng hạn như co thắt tiêu hóa hoặc đánh trống ngực ( với người tim khỏe mạnh).

- Giảm Co cứng cơ, ngứa ran, chuột rút, dự phòng tiền sản giật

- Giảm đau dây thần kinh: người đau nửa đầu, vai gáy, đau lưng.

- Giảm buồn nôn lo lắng, bồn chồn ở phụ nữ mang thai và sau sinh

- Ngừa nguy cơ loãng xương ở người già, sau mãn kinh; ngừa thiếu magie ở người hay bổ sung Canxi.

**Liều dùng và cách dùng:**

Uống trực tiếp hoặc hòa 10 ml dung dịch uống trong nửa ly nước.

Người lớn: 30 - 40 ml/ngày (12,4 mmol hoặc 300 mg cation Mg/24 giờ)

Trẻ em và trẻ nhỏ cân nặng trên 10kg (khoảng 1 tuổi): 10 - 30 mg cation Mg/kg/ngày hoặc 10 - 40 ml/ngày tùy theo tuổi.

Nên chia liều dùng mỗi ngày ra làm 2 - 3 lần: Sáng, trưa và chiều.

Uống thuốc cùng với bữa ăn. Cần ngưng điều trị ngay khi nồng độ magnezi máu trở về bình thường.

Công thức chứa đường không sinh năng lượng,

sử dụng được cho người tiểu đường.

**Chống chỉ định:**

Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.

Suy thận nặng với độ thanh thải creatinin dưới 30 ml/phút

Phối hợp với levodopa vì có sự hiện diện của pyridoxin.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Tiêu chảy, đau bụng, phản ứng ngoài da, phản ứng dị ứng.

Thuốc có chứa thành phần natri metabisulfít, nguy cơ có phản ứng dị ứng, kể cả phản ứng phản vệ và co thắt phế quản.

**Tương tác, tương kỵ của thuốc:**

Chống chỉ định phối hợp:

Levodopa: Tác dụng của levodopa bị ức chế khi không được dùng đồng thời với một chất kháng men dopadecarboxylase ngoại biên.

Không nên phối hợp:

- Quinidin: tăng lượng quinidin trong huyết tương và nguy cơ quá liều.

- Tránh dùng magnezi kết hợp với các chế phẩm có chứa phosphat hoặc calci là các chất ức chế quá trình hấp thu magnezi tại ruột non.

**Cần thận trọng khi phối hợp:**

Trường hợp phải điều trị kết hợp với tetracyclin đường uống, thì phải uống hai loại thuốc cách nhau ít nhất 3 giờ.

Quá liều và cách xử trí

**Đấu hiệu và triệu chứng:**

Thông thường, quá liều magnezi uống không gây ra những phản ứng gây độc trong điều kiện chức năng thận bình thường. Tuy nhiên, trong trường hợp suy thận, quá liều magnezi uống có thể gây độc.

Tác hại gây độc chủ yếu tùy thuộc vào nồng độ magnezi huyết thanh với những dấu hiệu ngộ độc như: tụt huyết áp, buồn nôn, ói mửa, ức chế thần kinh trung ương, giảm phản xạ, bất thường điện tâm đồ, khởi đầu ức chế hô hấp, hôn mê, ngưng tim và liệt hô hấp, vô niệu.

**Xử trí:**

- Điều trị: bù nước, lợi tiểu bắt buộc. Trong trường hợp suy thận, cần lọc máu hay thẩm phân phúc mạc.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Thuốc có chứa sulfít, có thể gây hoặc làm trầm trọng các phản ứng dạng phản vệ.

Trong trường hợp suy thận mức độ vừa, cần thận trọng nhằm phòng ngừa các nguy cơ liên quan đến tăng magnezi máu.

Trong trường hợp thiếu hụt magnezi nghiêm trọng, nên bắt đầu điều trị bằng truyền tĩnh mạch.

Trong trường hợp thiếu hụt canxi đi kèm, thì phải bù magnezi trước khi bù calci.

**Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

Phụ nữ có thai:

Chỉ dùng magnezi khi cần thiết.

Phụ nữ cho con bú:

Thành phần magnezi và pyridoxin hydroclorid đơn lẻ được xem là tương thích với thời kỳ cho con bú. Liều pyridoxin hydroclorid được khuyến cáo dùng hằng ngày cho phụ nữ đang cho con bú không được quá 20 mg/ngày.

**Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

**Đặc tính dược lực học:**

Nhóm dược lý: Thuốc bổ sung vitamin và khoáng chất.

Mã ATC: A11JB.

- Magnezi là một ion dương có nhiều trong nội bào. Magnezi làm giảm tính kích thích của naron và sự dẫn truyền naron cơ.

Magnezi tham gia vào nhiều phản ứng men.

- Pyridoxin là một đồng enzym tham gia vào nhiều chu trình chuyển hóa

**Dược động học:**

Sự hấp thu của ion magnezi ở đường tiêu hóa xảy ra qua một cơ chế thụ động, trong số nhiều cơ chế khác nhau, trong đó độ hòa tan của muối có vai trò quyết định.

Sự hấp thu muối magnezi ở đường tiêu hóa không vượt quá 50%. Bài tiết chủ yếu trong nước tiểu.

**Hạn dùng của thuốc:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất**SDK:** VD-35178-21